BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10955 /BTC-TCHQ	*Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2018*

V/v lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung Thông tư 72/2015/TT-BTC

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 8356
Ngày: 14/9/18
Chuyển: Phòng KTTC

Kính gửi:
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật năm 2018, Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 19/6/2015, để có cơ sở chỉnh lý, hoàn thiện nội dung dự thảo Thông tư, Bộ Tài chính đề nghị Quý đơn vị cho ý kiến tham gia đối với dự thảo Thông tư nêu trên (*Gửi kèm: Dự thảo Thông tư; Bản giải trình lý do sửa đổi, bổ sung*). Bộ Tài chính đề nghị nhận được ý kiến tham gia chậm nhất vào ngày 15/9/2018. Quá thời hạn trên, Quý đơn vị không có ý kiến được coi như đồng ý với nội dung dự thảo.

Ý kiến tham gia gửi về Tổng cục Hải quan, địa chỉ: Lô E3, Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội hoặc gửi tới số fax: 0243.9440641. Đầu mối liên hệ: Đ/c Trần Vũ Minh, Phó cục trưởng, Cục Kiểm tra sau thông quan, Tổng cục Hải quan. Sđt: 0913.277.770, Email: thaonta@customs.gov.vn, langnha25@gmail.com;

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ, Ủy ban./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Tổng cục Hải quan (để t/h);
- Vụ Pháp chế (để t/h);
- Lưu: VT, TCHQ(106 b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2018/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

THÔNG TƯ

Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; thực hiện thủ tục thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, đại lý, dự án được áp dụng chế độ ưu tiên; thủ tục thẩm định, công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, quản lý đối với doanh nghiệp, đại lý và dự án được áp dụng chế độ ưu tiên."

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 7 như sau:

"3. Được cơ quan hải quan và các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra, giám sát trước trong khâu giám sát hải quan.

Cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo danh sách doanh nghiệp ưu tiên cho các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi."

3. Sửa đổi Khoản 1, Điều 8 như sau:

"1.Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành."

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"Điều 9. Thủ tục và thời hạn nộp thuế.

1. Được hoàn thuế trước, kiểm tra sau. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế thực hiện theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016; thủ tục hoàn thuế, nộp hồ sơ, tiếp nhận và xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018. Căn cứ trên kết quả tự tính, tự khai của doanh nghiệp, cơ quan hải quan kiểm tra tính phù hợp về hồ sơ. Thời gian ra quyết định hoàn thuế không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp."

2. Được ưu tiên khi thực hiện các thủ tục về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế

3. Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016."

5. Sửa đổi địa điểm nộp hồ sơ tại khoản 1 Điều 18 như sau:

"1. Doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Thông tư này, có nhu cầu được áp dụng chế độ ưu tiên, gửi hồ sơ về Tổng cục Hải quan để được xem xét công nhận."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"Điều 19. Thẩm định điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên

1. Thẩm định hồ sơ:

Tổng cục Hải quan kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ hồ sơ doanh nghiệp nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này; đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp từ cơ quan thuế và cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp thường xuyên có hoạt động xuất, nhập khẩu với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Chương III Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng.

Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan thẩm định thực tế tại doanh nghiệp.

2. Thẩm định thực tế tại doanh nghiệp:

a) Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Nội dung thẩm định thực tế gồm:

a.1) Kiểm tra thông tin khai báo của doanh nghiệp tại hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên;

a.2) Đối chiếu kết quả kiểm tra thực tế với thông tin khai báo của doanh nghiệp;

a.3) Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật nếu trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liên tục, gần nhất tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp chưa được thanh tra, kiểm tra sau thông quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế.

b) Thời gian thẩm định thực tế tại doanh nghiệp, dự án tối đa 05 (năm) ngày làm việc, không bao gồm thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với trường hợp phải kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.

7. Bổ sung Điều 20a như sau:

"Điều 20a. Thẩm định điều kiện gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên

Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên có hiệu lực trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành quyết định và tự động gia hạn thêm 03 năm tiếp theo nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

Trước 03 (ba) tháng tính đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, Tổng cục Hải quan có trách nhiệm thẩm định các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, kiểm tra sau thông quan, kiểm tra việc hoàn thuế, kiểm tra báo cáo quyết toán (nếu có) tại trụ sở doanh nghiệp trên cơ sở quản lý rủi ro để gia hạn chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp.

Trường hợp trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp đã được Tổng cục Hải quan thanh tra, kiểm tra sau thông quan, Tổng cục Hải quan chỉ thẩm định các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, kiểm tra việc hoàn thuế, kiểm tra báo cáo quyết toán (nếu có), không tiến hành kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp, trừ trường hợp có các dấu hiệu vi phạm pháp luật."

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 21 như sau:

"1. Quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày doanh nghiệp nhận được thông báo của Tổng cục Hải quan, doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan thì Tổng cục Hải quan tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (Quyết định tạm đình chỉ theo mẫu 04/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).

9. Sửa đổi bổ sung Điều 25 như sau:

"Điều 25. Trách nhiệm quản lý của cơ quan hải quan

1. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm:

a) Quản lý, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật hải quan, pháp luật thuế của doanh nghiệp ưu tiên; định kỳ hàng năm, Tổng cục Hải quan tổ chức khảo sát tại doanh nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ;

b) Hàng năm thu thập thông tin về việc tuân thủ pháp luật thuế, pháp luật hải quan của doanh nghiệp từ Cục Thuế, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp thường xuyên có hoạt động xuất, nhập khẩu, cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm tra, kiểm toán, ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

c) Kiểm tra việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên đối với các dự án đầu tư trọng điểm đã được công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động.

2. Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm áp dụng các chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC cho các doanh nghiệp ưu tiên."

10. Sửa đổi khoản 3, bổ sung khoản 7 Điều 26 như sau:

"3. Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp nộp cho Tổng cục Hải quan báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước".

"7. Báo cáo Tổng cục Hải quan các vi phạm liên quan đến lĩnh vực thuế, kế toán quy định tại Khoản 3, Điều 45 Luật Hải quan trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền".

11. Sửa đổi, bổ sung mẫu ban hành kèm theo Thông tư 72/2015/TT-BTC như sau:

Sửa mẫu 02a/DNUT, mẫu 03/DNUT, mẫu 04/DNUT, mẫu 05/DNUT, mẫu 06/DNUT. Bổ sung mẫu 03a/DNUT.

Điều 2. Các nội dung bãi bỏ

Bãi bỏ Khoản 2 Điều 8; Khoản 2, 3 Điều 9.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …./…./2018.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ (10b).

Mẫu 02a/DNUT

TÊN CÔNG TY ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.....	*..., ngày ... tháng ... năm...*
V/v đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên	

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên công ty:...

Mã số thuế:...

Địa chỉ trụ sở:...

Số ĐT:...; số FAX:...

Website:...

Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đầu tư số:.....; cấp lần đầu ngày:...; cơ quan cấp:...

(Nếu có thay đổi, đề nghị kê khai lần thay đổi cuối cùng như ví dụ sau:

Thay đổi lần... ngày:...; cơ quan cấp:...; Nội dung thay đổi:...)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:...; cấp lần đầu ngày:...; cơ quan cấp:...

(Nếu có thay đổi, kê khai tương tự như Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đầu tư)

Loại hình doanh nghiệp:...

Ngành, nghề kinh doanh:...

Đầu mối đại diện của Công ty:.....; Chức vụ:...; Số điện thoại di động:...; E- mail:...

Doanh nghiệp có hoạt động đầu tư sản xuất, gia công, chế biến tại các quốc gia:...

Quy mô đầu tư (Tổng vốn đầu tư):...

Lĩnh vực đầu tư:...

Loại hình kinh doanh XK, NK:...

Căn cứ điều kiện doanh nghiệp quy định tại Chương III Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, Công ty ... đã tự đánh giá, đối chiếu với quy định trên đây, nhận thấy có đủ điều kiện để được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC. Chi tiết:

I. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty

1. Thực hiện khai hải quan:

□ Trực tiếp khai hải quan và làm các thủ tục khác liên quan đến pháp luật hải quan

□ Thực hiện khai hải quan và làm các thủ tục khác liên quan đến pháp luật hải quan qua đại lý hải quan

Đại lý hải quan thực hiện khai hải quan cho Công ty (tên, mã số thuế, địa chỉ, Giấy chứng nhận đầu tư):... *(Trường hợp thực hiện khai hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan)*

□ Ý kiến khác *(ví dụ: vừa trực tiếp khai hải quan vừa sử dụng đại lý khai hải quan)*: ...

Loại hình xuất khẩu: ...

Loại hình nhập khẩu:...

Mặt hàng xuất khẩu chính: ...

Mặt hàng nhập khẩu chính: ...

Thị trường xuất khẩu chính: ...

Thị trường nhập khẩu chính: ...

2. Hình thức thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Công ty thực hiện thanh toán, giao dịch qua các ngân hàng, tên, số hiệu tài khoản tại ngân hàng:...

II. Thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ thống kê là Khoản ... Điều ... Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015.

Thời gian thống kê từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm…

(ví dụ: thời điểm thống kê là ngày dd/mm/yyyy thì thời gian thống kê là từ ngày 01/01/(yyyy-2) đến ngày dd/mm/yyyy)

Năm báo cáo	Kim ngạch xuất khẩu (USD)				Tổng kim ngạch nhập khẩu (USD)	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (USD)
	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ Việt Nam (USD)	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam (USD)	Kim ngạch Xuất khẩu hàng hóa khác (USD)	Tổng kim ngạch xuất khẩu (USD)		
20..						
20..						
20.. *(từ 01/01/20.. đến ngày .../.../20..)*						

III. Về thực hiện thủ tục hải quan, thủ tục thuế điện tử

1. Công ty thực hiện thủ tục hải quan điện tử từ tháng ... năm …

2. Công ty thực hiện thủ tục thuế điện tử từ tháng ... năm ...

IV. Về hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin

1. Phần mềm kế toán doanh nghiệp đang sử dụng:

2. Hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin của Công ty đáp ứng các yêu cầu sau:

□ Khai báo hải quan điện tử 24/7

□ Có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu

□ Đáp ứng yêu cầu báo cáo điện tử của cơ quan hải quan

□ Đáp ứng yêu cầu kiểm tra của cơ quan hải quan

□ Các yêu cầu khác: ...

V. Về tuân thủ pháp luật hải quan

Trong 24 tháng trở về trước (tính từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...), Công ty ... tự đánh giá là tuân thủ tốt pháp luật hải quan. Căn cứ đánh giá của Công ty là Thông tư ..., Nghị định ..., Luật...

Số lần Công ty ... bị cơ quan hải quan xử phạt vi phạm (nếu có):

(Kê theo từng quyết định xử phạt)

Quyết định xử phạt số: Ngày:
Cơ quan xử phạt:
Hành vi vi phạm:
Số tiền bị xử phạt:
Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

VI. Về tuân thủ pháp luật thuế

Trong 24 tháng trở về trước (tính từ ngày … tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...), Công ty ... tự đánh giá là tuân thủ tốt pháp luật thuế. Căn cứ đánh giá của Công ty là Thông tư ..., Nghị định …, Luật...

Số lần Công ty ... bị cơ quan thuế xử phạt vi phạm (nếu có):

(Kê theo từng quyết định xử phạt)

Quyết định xử phạt số: Ngày:
Cơ quan xử phạt:
Hành vi vi phạm:
Số tiền bị xử phạt:
Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

VII. Về chấp hành pháp luật kế toán, pháp luật kiểm toán:

1. Công ty ... áp dụng chuẩn mực kế toán được Bộ Tài chính chấp nhận. Mọi hoạt động kinh tế được phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán.

2. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán ...

Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty kiểm toán: số ... cơ quan cấp: ... ngày cấp: ... *(nếu giấy chứng nhận đầu tư có điều chỉnh, kê khai đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày cấp, nội dung điều chỉnh theo từng văn bản điều chỉnh)*

3. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính được nêu tại Báo cáo kiểm toán: ...

VIII. Về tình hình nợ thuế:

(Kê từng khoản nợ thuế trong hạn, nợ thuế quá hạn đối với tất cả các sắc thuế)

...

IX. Về kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 2 năm xem xét: ...

X. Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý các hoạt động liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu của Công ty

Công ty cung cấp thông tin theo bảng kê đính kèm.

Công ty... xin đảm bảo và chịu trách nhiệm trước pháp luật là những thông tin, tài liệu gửi kèm công văn này là trung thực, chính xác, cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của Thông tư số 72/2015/TT-BTC.

Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định công nhận Công ty... là doanh nghiệp ưu tiên./.

(Hồ sơ gửi kèm:...)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

BẢNG KÊ ĐÍNH KÈM MẪU 2a/DNUT

	Tiêu chí thẩm định	Doanh nghiệp tự đánh giá		Ý kiến của cơ quan hải quan (nếu có)
		Có	Không	
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY				
1	Công ty có quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ của bộ phận xuất nhập khẩu không?			
2	Công ty có quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ của bộ phận pháp chế không?			
3	Công ty có quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ của bộ phận kiểm soát nội bộ không?			
2. Quy trình quản lý liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu				
4	Công ty có quy trình quản lý, lưu giữ hồ sơ hải quan và chứng từ kế toán tài chính không?			
5	Công ty có quy trình mua hàng, sản xuất, lưu kho, vận chuyển,... không?			
6	Công ty có quy trình kiểm soát nội bộ không?			
7	Công ty có thực hiện kiểm soát nội bộ hàng năm không?			
II. KIỂM SOÁT AN NINH AN TOÀN				
2.1 Quy định chung về an ninh trong công ty				
8	Các biện pháp đảm bảo an ninh trong công ty có được quy định thành văn bản không?			
9	Các văn bản này có được cập nhật đều đặn để đảm bảo phù hợp với hoạt động của Công ty không?			
10	Trường hợp các hoạt động trong công ty được thực hiện ở các nơi khác nhau, các biện pháp về an ninh ở các nơi đó có được thực hiện thống nhất không?			
2.2 An ninh trong vận chuyển hàng hóa				
11	Có đội ngũ vận chuyển hàng hóa không?			
12	Trường hợp thuê dịch vụ ngoài thì công ty vận chuyển có phải tuân thủ các yêu cầu về an ninh của công ty đặt ra đối với chuyến hàng không?			
13	Có các biện pháp theo dõi, ghi nhận hành trình vận chuyển hàng hóa đảm bảo hàng hóa được vận chuyển đúng thời gian, kế hoạch không?			
14	Toàn bộ các chủ thể liên quan trong quá trình vận chuyển hàng hoá được đào tạo, hướng dẫn để đảm bảo an ninh của chuyến hàng không?			
15	Trong vòng 2 năm qua, Công ty có gặp những sự cố liên quan đến an ninh an toàn trong quá trình vận chuyển hàng hóa không? (Nếu có nêu cụ thể)			
16	Công ty có áp dụng các biện pháp để xử lý kịp thời những sự cố nêu trên không?			
17	Có quy trình theo dõi lịch trình container hàng xuất khẩu, nhập khẩu sau khi hàng đã được xếp lên tàu không			
2.3 Kiểm tra container trước khi xếp hàng				

18	Có quy định kiểm tra an toàn container trước khi xếp hàng không?			
19	Có quy định các biện pháp cụ thể để kiểm tra container không? (VD: kiểm tra 7 điểm của container, bản lề, chốt khóa, các vị trí có thể cất giấu hàng trên container,…)			
20	Có biện pháp kiểm soát chì trước và sau sử dụng tránh việc sử dụng bất hợp pháp không?			
21	Có kiểm tra số container đúng với hợp đồng vận chuyển do đối tác thông báo trước không?			
22	Các nội dung kiểm tra nêu trên có được lập thành bảng in sẵn, người kiểm tra tích đầy đủ các nội dung và lưu theo quy định không?			
2.4 An ninh tại các vị trí quan trọng				
23	Công ty có sử dụng hệ thống camera hoặc các biện pháp giám sát tại các khu vực tường rào, cổng ra vào, kho bãi, khu vực sản xuất, khu vực hành chính không?			
24	Có hệ thống đèn chiếu sáng bên trong và bên ngoài tại các khu vực: lối vào, lối ra, bốc xếp dỡ hàng, khu vực nhà kho, hàng rào bảo vệ và nơi để xe không?			
25	Khách ra vào công ty có yêu cầu xuất trình CMDN hoặc giấy tờ chứng minh mục đính vào công ty không?			
26	Khách di chuyển trong công ty có được nhân viên hộ tống hoặc cấp thẻ nhận diện tạm thời không			
27	Công ty có biện pháp đăng ký, kiểm tra xe chở hàng khi ra, vào công ty không?			
28	Công ty có các khu vực riêng dành cho xe vận chuyển hàng hóa không?			
2.5 Phân quyền di chuyển và làm việc				
29	Công nhân của công ty có được phân quyền di chuyển và làm việc tại các khu vực đúng với nhiệm vụ được phân công không ?			
30	Có biện pháp nhận biết công nhân làm việc ở các khu vực khác nhau không?			
31	Có biện pháp kiểm tra, giám sát việc di chuyển, làm việc trên không? Đặc biệt tại các vị trí quan trọng, nhạy cảm như nhà kho, khu vực bốc xếp hàng hóa,…			
32	Công ty có các biện pháp xử lý đối với những trường hợp cố ý xâm nhập trái phép vào các khu vực đã được phân quyền không?			
2.6 An ninh hệ thống công nghệ thông tin				
33	Công ty có các biện pháp nhằm đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn của hệ thống thông tin liên quan đến hoạt động của công ty không?			
34	Công ty có các biện pháp để ngăn chặn việc truy cập bất hợp pháp, lạm dụng, cố ý phá hủy hoặc làm mất dữ liệu thông tin không?			
35	Công ty có quy định về phân quyền truy cập hệ thống thông tin không?			
36	Tài khoản truy cập vào hệ thống có bắt buộc phải thay đổi theo định kỳ không			
37	Công ty có biện pháp khôi phục dữ liệu trong trường hợp bị mất không?			

38	Công ty có các biện pháp xử lý các trường hợp cán bộ, CNV cố ý truy cập trái phép vào hệ thống dữ liệu và gây ra các thiệt hại cho công ty không?			
39	Người lao động trong công ty có được tập huấn để đảm bảo an ninh công nghệ thông tin không			
2.7 An ninh nhân sự				
40	Công ty có quy trình/ cơ chế xác minh thông tin về người lao động trước khi tuyển dụng các vị trí nhạy cảm mà không vi phạm các quyền cơ bản theo quy định của pháp luật không?			
41	Công ty có thực hiện kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về những nhân viên làm việc tại các vị trí an ninh nhạy cảm không? (nhà kho,khu vực bốc xếp hàng hóa, ...)			
42	Công ty có biện pháp nhận diện nhân viên và yêu cầu tất cả nhân viên đeo thẻ, mặc đồng phục,... trong quá trình làm việc và đi chuyển trong công ty không?			
43	Công ty có các biện pháp kiểm soát dành riêng cho những nhân viên tạm thời làm việc tại các vị trí an ninh nhạy cảm không?			
44	Công ty có các khóa đào tạo về an ninh an toàn cho cán bộ, công nhân viên không?			
45	Công ty có biện pháp để ngăn chặn những nhân viên đã chấm dứt hợp đồng lao động truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của Công ty không?			
TUÂN THỦ PHÁP LUẬT				
46	Có bị cơ quan hải quan xử phạt VPHC về thủ tục hải quan với mức phạt bằng tiền vượt 50 triệu vnd không			
47	Có bị cơ quan hải quan/ cơ quan thuế phạt với mức phạt tiền từ 1 lần số tiền thuế ấn định trở lên không			
48	Có bị cơ quan hải quan phạt với hình thức phạt tịch thu tang vật vi phạm không			
49	Công ty đã được cơ quan hải quan KTSTQ tại trụ sở công ty chưa?			
50	Kết quả KTSTQ gần nhất công ty có bị truy thu thuế/phạt VPHC không			
KIỂM SOÁT KHAI BÁO HẢI QUAN				
51	Có kiểm tra/ đối chiếu thông tin hàng hóa xuất khẩu/ nhập khẩu về số lượng, trọng lượng, nhãn hiệu với thông tin trên hợp đồng không			
52	Có quy trình/ thủ tục đảm bảo thông tin nhận được từ khách hàng /đối tác (về tên hàng, chủng loại hàng, số lượng) được báo cáo một cách chính xác và thường xuyên			
53	Có kiểm tra/ đối chiếu thông tin hàng hóa xuất khẩu/ nhập khẩu về số lượng, trọng lượng, nhãn hiệu với thông tin trên hợp đồng không			
54	Các sự thiếu, thừa hàng, các dấu hiệu bất thường, dị thường về hàng hóa có được điều tra nguyên nhân rõ ràng không			
55	Có quy rình thông báo cho cơ quan hải quan/ đối tác khi phát hiện thấy thiếu hoặc thừa hàng không			
56	Hàng hóa nhập khẩu của công ty có đóng gói, sắp xếp đồng nhất trong 1 container không			
57	Hàng hóa xuất khẩu của công ty có đóng gói, sắp xếp đồng nhất trong 1 container không			

58	Có đảm bảo rằng tất cả thông tin về người xuất khẩu, nhập khẩu, hãng vận tải, được sử dụng để thông qua hàng hóa là rõ ràng, chính xác, không bị thay đổi hay sai sót không>			
59	Có đảm bảo rằng thông tin khai trên hệ thống Vinacc đúng như thông tin trên hồ sơ nhập khẩu không			
60	Có quy trình kiểm tra tính đầy đủ chứng từ, giấy tờ trong hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định không			
61	Bộ phận xuất nhập khẩu của công ty có nắm được hết các văn bản đang hướng dẫn việc phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không			
62	Có quy trình/ thủ tục xác định/ rà soát lại mã HS đối với hàng hóa đang xuất khẩu, nhập khẩu không			
63	Đối với hàng hóa mới phát sinh, công ty có chủ trương yêu cầu cơ quan hải quan phân loại, áp mã trước không			
64	Có lập bảng kê hàng hóa đã xuất khẩu, nhập khẩu và mã HS tương ứng đã khai báo hải quan không			
QUẢN LÝ VIỆC XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ, PHÂN LOẠI MÃ SỐ, XUẤT XỨ, MIỄN THUẾ, SỞ HỮU TRÍ TUỆ				
65	Công ty và đối tác xuất khẩu có mối quan hệ đặc biệt theo quy định của pháp luật hay không?			
66	Người đàm phán hợp đồng ngoại thương đó có nắm vững mọi hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty không?			
67	Việc đàm phán giá cả có bị hạn chế bởi sự chỉ định/ràng buộc của bên thứ 3 hay không?			
68	Công ty lưu trữ Bảng chào giá của người bán không?			
69	Công ty có toàn quyền định đoạt đối với hàng hóa sau khi nhập khẩu không?			
70	Công ty có phụ thuộc vào quy định nào của đối tác/bên thứ khi định đoạt/xử lý hàng nhập khẩu không?			
71	Ngoài khoản tiền phải thanh toán với người bán theo hóa đơn, hợp đồng, Công ty có phải thanh toán thêm bất kỳ khoản nào khác cho người bán hoặc người thứ 3 do người bán chỉ định để nhập khẩu được các hàng hóa này không?			
72	Mỗi lô hàng NK công ty thanh toán nhiều lần không?			
73	Công ty có được đối tác nước ngoài chiết khấu, giảm giá đối với hàng hóa nhập khẩu không?			
74	Việc giảm gía/chiết khấu có được 2 bên ghi nhận bằng văn bản không?			
75	Việc bán hàng sau khi nhập khẩu của Công ty có phải tuân theo quy định nào khác của đối tác không?			
76	Việc ký hợp đồng giữa công ty và đối tác có bên thứ 3 tham gia hay không?			
77	Công ty thanh toán cho đối tác đối tác theo hình thức TTr?			
78	Công ty thanh toán cho đối tác đối tác theo hình thức L/C?			
79	Công ty thanh toán cho đối tác đối tác theo hình thức DP?			
80	Công ty thanh toán cho đối tác đối tác theo hình thức khác không?			
81	Nhãn hiệu của hàng hóa do công ty mua thuộc loại hàng hóa do đối tác độc quyền phân phối hay không?			
82	Hàng hóa do công ty nhập khẩu có bao gồm dạng dễ vỡ, dễ hỏng hóc hay không?			

83	Đề nghị cung cấp danh sách các ngân hàng giao dịch của công ty.			
84	Đề nghị cung cấp, hồ sơ tạo tài sản cố định, danh sách các thiết bị máy móc nhập khẩu.			
85	Công ty có trực tiếp phân phối sản phẩm nhập khẩu không?			
86	Công ty có lưu trữ tài liệu/dữ liệu (bao gồm cả dạng dữ liệu điện tử) và quá trình đàm phán hay không?			
87	Công ty có nhập khẩu hàng hóa từ những quốc gia ký hiệp định ưu đãi về thuế với Việt Nam không?			
88	Công ty có quy trình tự kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ không			
89	Công ty có nộp lại giấy chứng nhận xuất xứ cho cơ quan hải quan sau khi thông quan hàng hóa không			
90	Bộ phận xuất nhập khẩu có đảm bảo hiểu rõ về pháp luật hải quan, pháp luật thuế không			
QUẢN LÝ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CÓ GIẤY PHÉP, KIỂM DỊCH, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH				
91	Công ty có nhập khẩu hàng hóa thuộc diện phải xin giấy phép, kiểm dịch, kiểm tra chuyên ngành không?			
92	Có quy trình ghi nhận việc kết thúc kiểm tra và kết quả kiểm tra đối với hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, kiểm dịch thực vật không?			
93	Có quy trình khai bổ sung thông tin kết quả kiểm tra chuyên ngành, kết quả kiểm dịch lên hệ thống Vnacc không			
94	Có quy trình xin giấy phép đối với hàng hóa phải xin giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu không			
95	Bộ phận xuất nhập khẩu có hiểu rõ các quy định về kiểm dịch, kiểm tra chuyên ngành không?			
96	Công ty có quy trình kiểm soát để đảm bảo không đưa hàng vào sử dụng đối với phải kiểm tra chuyên ngành khi chưa có kết quả kiểm tra không			
QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU CỦA HÀNG GIA CÔNG SẢN XUẤT XUẤT KHẨU				
97	Có khu vực kho riêng không?			
98	Có quy trình quản lý kho không?			
99	Có khu vực để xếp riêng vật tư nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm trong một kho không			
100	Công ty có phần mềm tích hợp được dữ liệu của các bộ phận kế toán, bộ phận xuất nhập khẩu và bộ phận kho không?			
101	Bộ phận xuất nhập khẩu của Công ty có theo dõi số liệu tồn kho thực tế của nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm không?			
102	Công ty có lưu định mức sản xuất thực tế dưới dạng dữ liệu điện tử hay không?			
103	Công ty có lưu định mức sản xuất thực tế dưới dạng văn bản không?			
104	Công ty có xây dựng định mức thực tế cho từng công đoạn sản xuất không?			
105	Có bộ phận xây dựng định mức kỹ thuật để sản xuất cho 1 đơn vị sản phẩm không?			

106	Phần mềm quản lý của Công ty có quy đổi được bán thành phẩm ra nguyên vật liệu được không?			
107	Công ty có quy trình kiểm kê thực tế kho định kỳ không?			
108	Công ty có thực hiện kiểm kê thực tế kho vào thời điểm 31/12 không?			
109	Đối với doanh nghiệp có hoạt động gia công, phiếu xuất kho của Công ty có ghi rõ xuất kho để sản xuất sản phẩm nào không?			
110	Công ty có phần mềm quản lý nguyên phụ liệu, thành phẩm, bán thành phẩm không?			
111	Phần mềm của Công ty có theo dõi được lượng nguyên vật liệu chênh lệch giữa tồn kho thực tế của Công ty với lượng nguyên vật liệu khai báo hải quan không?			
112	Công ty có quản lý nguyên vật liệu, hàng hóa theo hình thức nhập trước xuất trước không?			
113	Công ty có quản lý nguyên vật liệu, hàng hóa theo hình thức mã vạch không?			
114	Khi xác định tồn kho thực tế cuối kỳ, Công ty có quy đổi hết thành phẩm, bán thành phẩm ra nguyên vật liệu không?			
115	Khi xác định tồn kho thực tế, đối với nguyên vật liệu nhập khẩu đã mở tờ khai đang trên đường về công ty có hạch toán vào tài khoản 152 (nguyên liệu, vật liệu) không?			
116	Khi xác định tồn kho thực tế, đối với thành phẩm đã mở tờ khai xuất bán nhưng chưa xuất khỏi kho thì Công ty có hạch toán vào tài khoản 155 (thành phẩm) không?			
117	Hàng đi đường là thành phẩm đã đóng gói nhưng chưa có bill để lên tàu, chưa ghi nhận doanh thu có được Công ty hạch toán vào TK 157 (hàng gửi bán) không?			
118	Nguyên vật liệu nhà cung cấp đã xuất hóa đơn và vận đơn nhưng chưa về đến kho thì Công ty có hạch toán vào tài khoản 151 (hàng mua đang đi đường) không?			
119	Việc quy đổi từ số lượng nguyên phụ liệu, thành phẩm, bán thành phẩm ra trị giá để lập báo cáo quyết toán nguyên liệu, vật tư, thành phẩm sản xuất từ nguồn nhập khẩu có tính theo giá bình quân năm không?			
120	Toàn bộ sản phẩm dở dang, bán thành phẩm của Công ty có được hạch toán vào tài khoản 154 (Chi phí sản xuất dở dang) không?			
VIỆC HỢP TÁC VỚI CƠ QUAN HẢI QUAN				
121	Tất cả thiếu, thừa, sai, hỏng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có được báo cáo cho cơ quan hải quan không			
122	Công ty có tự đánh giá, kiểm soát nội bộ đinh kỳ theo yêu cầu của cơ quan hải quan không			
123	Trên kết quả tự đánh giá định kỳ công ty có thực hiện các biện pháp/ cải tiến cơ chế hoạt động nhằm giảm rủi ro không			
124	Có chế độ lưu trữ các tài liệu như kết quả tự đánh giá, các báo cáo về giải pháp nhằm giảm rủi ro không			

Mẫu 03/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên kèm theo văn bản số... ngày... tháng ... năm ... của Công ty ...;

Xét đề nghị của Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận doanh nghiệp ưu tiên, áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính đối với Công ty .../Dự án...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Điều 2. Công ty ... có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều ... Thông tư số ... ngày ... tháng ...năm ... của Bộ Tài chính và các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày ký Quyết định này. Sau thời hạn này, nếu Công ty đáp ứng các điều kiện quy định thì tiếp tục được áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 3a/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính đối với đối với Công ty ...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Điều 2. Công ty ... có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều ... Thông tư số ... ngày ... tháng ...năm ... của Bộ Tài chính và các quy định liên quan của pháp luật. **Điều 3.** Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày .... Sau thời hạn này, nếu Công ty đáp ứng các điều kiện quy định thì tiếp tục được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 04/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*....., ngày tháng năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ..., ngày... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty ...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Thời gian tạm đình chỉ là ... tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 05/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ..., ngày... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định số .../QĐ-TCHQ ngày... tháng.... năm... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty .../ Dự án...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 06/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ..., ngày... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty .../ Dự án...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

BẢN GIẢI TRÌNH LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ 72/2015/TT-BTC

QUY ĐỊNH ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN TRONG VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁ, SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Điều, khoản, điểm	Nội dung tại Thông tư 72/2015/TT-BTC	Nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do/ Tác động
	Điều 1 **Phạm vi điều chỉnh**	Thông tư này quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, đại lý, dự án được áp dụng chế độ ưu tiên; thủ tục thẩm định, công nhận, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ quản lý đối với doanh nghiệp, đại lý và dự án được áp dụng chế độ ưu tiên.	Thông tư này quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, đại lý, dự án được áp dụng chế độ ưu tiên; thủ tục thẩm định, công nhận, *gia hạn*, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ quản lý đối với doanh nghiệp, đại lý và dự án được áp dụng chế độ ưu tiên	Ở Điều này, bổ sung thêm từ "gia hạn" vào Phạm vi điều chỉnh: + Việc bổ sung thêm nội dung này không làm thay đổi nội hàm của Thông tư vì thực tế trong Luật Hải quan, Nghị định 08, Thông tư 72 đã quy định về nội dung gia hạn. Cụ thể: Điều 44 Luật hải quan, Khoản 2, Điều 11 Nghị định 08, Điều 25 Thông tư 72. + Việc bổ sung thêm từ "gia hạn" như dự thảo sẽ làm rõ bố cục, trình tự của chế độ ưu tiên.
1	**Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành**	1. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành thì cơ quan hải quan chấp nhận khai báo của doanh nghiệp về việc hàng hóa đã đáp ứng quy định chuyên ngành để thông quan. Doanh nghiệp có trách nhiệm lưu trữ đầy đủ kết quả kiểm tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, xuất trình khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan hải quan. 2. Doanh nghiệp được đưa hàng hóa nhập khẩu về kho của doanh nghiệp để bảo	Sửa khoản 1, Điều 8: "Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành"	Thông tư 72 quy định doanh nghiệp được thông quan ngay là chưa phù hợp với luật quản lý chuyên ngành. Hiện nay, Chính phủ đang giao Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị định về kiểm tra chuyên ngành. So với dự thảo của Nghị định này thì nội dung tại Khoản 1, Điều 8 không còn phù hợp nữa. Đề nghị thực hiện theo quy định hiện tại.

		quản trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành. 3. Trường hợp cần lấy mẫu để kiểm tra thì được ưu tiên lấy mẫu hàng hóa trước.		
2	**Điều 9** **Thủ tục thuế, Thời hạn nộp thuế**	1. Được hoàn thuế trước, kiểm tra sau. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế, thủ tục hoàn thuế theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015. Căn cứ trên kết quả tự tính toán của doanh nghiệp, cơ quan hải quan kiểm tra tính phù hợp về hồ sơ. Thời gian ra quyết định hoàn thuế không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp."	1. Được hoàn thuế trước, kiểm tra sau. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế, thủ tục hoàn thuế theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018. Căn cứ trên kết quả tự tính toán của doanh nghiệp, cơ quan hải quan kiểm tra tính phù hợp về hồ sơ. Thời gian ra quyết định hoàn thuế không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp. Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016.	Một số nội dung của Thông tư 38/201/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018, do đó tại Dự thảo dẫn chiếu thêm cả Thông tư 39/2018/TT-BTC. Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 064/2016 đã bổ sung chế độ ưu tiên về thời hạn nộp thuế cho các doanh nghiệp ưu tiên. Do đó, nội dung này cần được bổ sung tại Chương II dự thảo Thông tư để
3	**Sửa đổi địa điểm nộp hồ sơ tại khoản 1 Điều 18. Hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên**	1. Doanh nghiệp có yêu cầu được áp dụng chế độ ưu tiên, tự đối chiếu với các điều kiện quy định tại Thông tư này, có hồ sơ gửi Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi là Cục Hải quan tỉnh, thành phố) nơi doanh nghiệp có trụ sở chính đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên.	Sửa đổi địa điểm nộp hồ sơ tại khoản 1 Điều 18 như sau: "Điều 18. Hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên 1. Doanh nghiệp có yêu cầu được áp dụng chế độ ưu tiên, tự đối chiếu với các điều kiện quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thông tư 72/2015/TT-BTC), có hồ sơ gửi Tổng cục Hải quan đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên."	Nghị định 59/2018/ND-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2015/ND-CP đã quy định địa điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên là Tổng cục Hải quan nên các quy định tại Thông tư phải sửa đổi để phù hợp với dự thảo Nghị định mới.
4	**Khoản 1, Điều 19. Kiểm tra điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên**	1. Kiểm tra hồ sơ Cục Hải quan tỉnh, thành phố kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ hồ sơ doanh nghiệp nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này; đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về	1. Thẩm định hồ sơ: Tổng cục Hải quan kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ hồ sơ doanh nghiệp nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư 72/2015/TT-BTC; đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp từ cơ quan thuế và cơ quan hải	- Nghị định 59/2018/ND-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2015/ND-CP đã quy định địa điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, đơn vị thực hiện thẩm định, kiểm tra là Tổng cục Hải quan nên các quy định tại Thông tư phải sửa đổi để phù hợp với dự thảo Nghị định mới.

		doanh nghiệp trên địa bàn quản lý với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Chương III Thông tư này. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng.	quan trên địa bàn quản lý với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Chương III Thông tư 72/2015/TT-BTC. Trường hợp hồ sơ doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng. Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan thẩm định thực tế tại doanh nghiệp.	- Ở Điều 19, bố cục lại nội dung. Đưa nôi dung "Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan thẩm định thực tế tại doanh nghiệp" lên Khoản 1, để dẫn vào khoản 2 "thẩm định thực tế" chỉ nêu các nội dung thẩm định.
	Khoản 2 Điều 19. Kiểm tra điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên	2. Kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp a. Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp. Nội dung kiểm tra thực tế gồm: a.1. Kiểm tra thông tin khai báo của doanh nghiệp tại hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên; a.2. Đối chiếu kết quả kiểm tra thực tế với báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ; a.3. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật nếu trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liên tục, gần nhất tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp chưa được kiểm tra sau thông quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế. Thời gian kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, dự án tối đa 10 (mười) ngày làm việc, không bao gồm thời gian xử lý kết	2. Thẩm định thực tế tại doanh nghiệp: a. Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Nội dung thẩm định thực tế gồm: a.1. Kiểm tra thông tin khai báo của doanh nghiệp tại hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên; a.2. Đối chiếu kết quả kiểm tra thực tế với thông tin khai báo của doanh nghiệp; a.3. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật nếu trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liên tục, gần nhất tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp chưa được kiểm tra sau thông quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế. b. Thời gian thẩm định thực tế tại doanh nghiệp, dự án tối đa 10 (mười) ngày làm việc, không bao gồm thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với trường hợp phải kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.	- Ở khoản 2 : điểm a.1 và a.3 không thay đổi. Thay đổi khoản 2 : theo quy định cũ, HQ địa phương tiến hành thẩm định và có Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ gửi TCHQ. Do đó, mới có Đối chiếu kết quả kiểm tra thực tế với báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ. Theo quy định mới, TCHQ tiến hành thẩm định, do đó không còn báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ nữa, thay vào đó là Đối chiếu kết quả kiểm tra thực tế với thông tin khai báo của doanh nghiệp. - Thay đổi điểm b: Bỏ nội dung của khoản b theo Thông tư 72, vì HQ địa phương không tiến hành thẩm định nữa, do đó, không còn quy định về thời gian lập báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ gửi TCHQ. Tại điểm b của dự thảo: Thời gian KTSTQ đã được quy định tại Luật hải quan, Nghị định 08. Tại dự thảo, chỉ quy định thời gian đối với việc thực hiện thẩm định thực tế. Trường hợp không KTSTQ, thời gian thẩm định là 05 ngày làm việc, giảm 1 nửa thời gian so với Thông tư 72. Trường hợp có KTSTQ, tổng thời gian thực hiện vẫn là

		luận kiểm tra sau thông quan đối với trường hợp phải kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan. b. Kết thúc kiểm tra thực tế, bao gồm cả thời gian kiểm tra sau thông quan (nếu có), trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, đơn vị hải quan thực hiện kiểm tra lập Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế gửi Tổng cục Hải quan.		10 ngày làm việc, theo đúng thời gian quy định của KTSTQ.
5	**Điều 20a. Thẩm định điều kiện gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên**		Trước 03 (ba) tháng đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, Tổng cục Hải quan Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp trên cơ sở quản lý rủi ro để đánh giá lại các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp nếu trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp chưa được Tổng cục Hải quan kiểm tra sau thông quan.	Khoản 1, Điều 44, Luật hải quan đã quy định :"Tổng cục trưởng Tổng cục hải quan xét, công nhận, **gia hạn**, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp" Khoản 2, Điều 11 Nghị định 08/2015/TT-BTC cũng quy định : "Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên có hiệu lực trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành quyết định và **tự động gia hạn thêm 03 năm tiếp theo nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.**" Điều 25 Thông tư 72 cũng đã nêu: "Định kỳ 03 (ba) năm Tổng cục Hải quan đánh giá các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế để tự động gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp ưu tiên" Như vậy, gia hạn không phải là một thủ tục mới, mà trước đó đã được quy định từ Luật, Nghị định. Tại dự thảo Thông tư đưa nội dung gia hạn thành một điều riêng để đảm bảo tính logic, trình tự của chế độ ưu tiên. Đồng thời hướng dẫn cụ thể các công việc để cơ quan hải quan tiến hành đánh giá gia hạn, tránh trường hợp kiểm tra chồng chéo, nhiều lần.

	Điều 21. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên	1. Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì cơ quan hải quan tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (Quyết định tạm đình chỉ theo mẫu 04/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này). 2. Trong thời hạn tạm đình chỉ, doanh nghiệp ưu tiên thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan, khắc phục sai sót (nếu có), cơ quan hải quan hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên (Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ theo mẫu 05/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).	1. Trường hợp quá 30 (ba mươi) ngày doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì cơ quan hải quan tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (Quyết định tạm đình chỉ theo mẫu 04/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).	Quy định cũ không nêu về thời hạn thực hiện trách nhiệm của DNƯT, điều này dẫn đến việc thực hiện không thống nhất. Tại dự thảo mới, quy định cụ thể về thời gian Dn thực hiện trách nhiệm để tạo điều kiện thuận lợi cho cả phía DN và cơ quan hải quan trong việc thực hiện.
7	**Điều 25. Trách nhiệm quản lý của cơ quan hải quan**	Định kỳ 03 (ba) năm Tổng cục Hải quan đánh giá các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế để tự động gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp ưu tiên; kiểm tra việc hoàn thuế, kiểm tra báo cáo quyết toán (nếu có) trên cơ sở quản lý rủi ro theo khoản 3 Điều 9 Thông tư này	1.Tổng cục Hải quan có trách nhiệm: a. Quản lý, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật hải quan, pháp luật thuế của doanh nghiệp ưu tiên; định kỳ hàng năm, Tổng cục Hải quan tổ chức khảo sát tại doanh nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ; b. Chỉ đạo, kiểm tra các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong việc thực hiện áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp; c. Hàng năm thu thập thông tin về việc tuân thủ pháp luật thuế, pháp luật hải quan của doanh nghiệp từ Cục Thuế, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. d. Kiểm tra việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên đối với các dự án đầu tư trọng điểm đã được công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động. 2. Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm áp dụng các chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp	Thông tư 72 chưa quy định rõ trách nhiệm quản lý của từng cấp trong ngành Hải quan. Việc quy định rõ trách nhiệm của Tổng cục Hải quan – cơ quan quản lý doanh nghiệp ưu tiên và Cục Hải quan tỉnh, thành phố - cơ quan thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa cho doanh nghiệp ưu tiên trong việc quản lý, áp dụng chế độ ưu tiên đảm bảo hành lang pháp lý, tránh sự chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp ưu tiên.

			luật trong quá trình làm thủ tục hải quan thì xử lý theo quy định và kịp thời báo cáo về Tổng cục Hải quan.	
6	**Điều 26. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên**	3. Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày sau khi kết thúc năm tài chính của doanh nghiệp cung cấp cho cơ quan hải quan báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước.	"3. Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày sau khi kết thúc năm tài chính của doanh nghiệp cung cấp cho Tổng cục Hải quan báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước". "7. Báo cáo cho Tổng cục Hải quan các vi phạm liên quan đến lĩnh vực thuế, kế toán quy định tại Khoản 3, Điều 45 Luật Hải quan trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền".	- Làm rõ nơi nhận báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán định kỳ hàng năm là Tổng cục Hải quan thay vì là cơ quan hải quan như quy định cũ. Thực tế, đơn vị quản lý trực tiếp các doanh nghiệp ưu tiên và trực tiếp xử lý các văn bản báo cáo này là Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan). Việc quy định rõ giúp doanh nghiệp thực hiện thống nhất. - Bổ sung thời hạndoanh nghiệp phảti nộp báo cáo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan khác. Nếu không quy định cụ thể về thời gian, các doanh nghiệp chậm trễ trong việc báo cáo, dẫn đến mất tính kịp thời trong việc phối hợp xử lý và việc nắm bắt tình hình tuân thủ pháp luật thuế, kế toán của các cán bộ chuyên quản đối với doanh nghiệp.
			12. Sửa đổi mẫu ban hành kèm theo Thông tư 72/2015/TT-BTC như sau: "Sửa mẫu 02a/DNUT – Đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên; Sửa mẫu 03/DNUT – Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên; Sửa mẫu 04/DNUT – Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên; Sửa mẫu 05/DNUT – Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên; Sửa mẫu 06/DNUT – Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên."	Sửa đổi các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư 72/2015/TT-BTC để phù hợp với các quy định hiện tại.